

Nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh thông qua nhận biết các đặc điểm so sánh và đối chiếu ngôn ngữ

Chu Thị Bích Liên*

*ThS. Khoa Ngoại ngữ - Học viện Báo chí & Tuyên truyền

Received: 12/10/2024; Accepted: 21/10/2024; Published: 31/10/2024

Abstract: Today, English has become a popular language in communication in the world. The media operates effectively to exchange information in many fields such as economics, culture, health, and education... all of those are closely linked to language, especially English. Using sources on the Internet for teaching and learning is very useful as The documents are exploited conveniently at low cost. This study explores the development of English language skills by comparing and contrasting some similarities and differences between English and Vietnamese, thereby helping learners communicate more effectively.

Keywords: Contrast, comparison, linguistics, similarities, difference

1. Đặt vấn đề

Sử dụng tiếng Anh ngày càng trở nên phổ biến trên khắp thế giới, trong đó có Việt Nam. Trong những năm gần đây, tiếng Anh được sử dụng là công cụ để xét tuyển thẳng vào nhiều trường đại học của Việt Nam. Tiếng Anh cũng là điều kiện xét chuẩn cho nhiều cấp đào tạo tại Việt Nam như cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ. Do vậy, việc dạy và học tiếng Anh đã và đang phát triển rất nhanh tại Việt Nam.

Trong thực tế, nhiều nhà nghiên cứu cũng đã thực hiện đề tài về những đặc điểm giống nhau và khác nhau trong tiếng Anh và tiếng Việt để so sánh, đối chiếu và rút ra cách học hiệu quả, giúp người học sử dụng ngôn ngữ thuận lợi hơn.

Tuy nhiên, việc dạy và học tiếng Anh ở Việt Nam đang gặp phải những thách thức, nhất là trong việc nâng cao sử dụng hiệu quả ngôn ngữ này. Bài viết này đề cập đến một số đặc điểm ngôn ngữ của tiếng Anh và tiếng Việt làm cơ sở cho việc so sánh và đối chiếu dựa trên các yếu tố từ vựng và ngữ pháp để nâng cao nhận biết cho sinh viên (SV) Việt Nam nói chung và SV của Học viện Báo chí và Tuyên truyền nói riêng. Bài viết tập trung chủ yếu vào đối sánh một số từ vựng và hiện tượng ngữ pháp đặc trưng của tiếng Anh và tiếng Việt để giúp SV có cái nhìn khái quát đồng thời giải đáp một số khó khăn mà SV thường gặp phải trong quá trình luyện tập, thực hành tiếng Anh.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Trong thực tế, tiếng Anh từ lâu đã được xem là ngôn ngữ toàn cầu, đóng vai trò thiết yếu trong giao tiếp quốc tế, học thuật và thương mại. Mặc dù có

nhều lợi ích từ việc học thêm ngôn ngữ khác, việc giảm trọng tâm tiếng Anh sẽ dẫn đến những hệ quả tiêu cực về chất lượng giáo dục ngôn ngữ này. Tiếng Anh là ngôn ngữ quốc tế chính thống trong các lĩnh vực như khoa học, công nghệ, kinh tế, và văn hóa. Theo báo cáo của EF English Proficiency Index (2022), Việt Nam xếp hạng thứ 60/112 quốc gia về khả năng sử dụng tiếng Anh. Trong khi đó, theo Tổ chức giáo dục Education First (EF) của Thụy Sĩ, năm 2023, thống kê từ kết quả bài thi tiếng Anh từ 2,2 triệu người trưởng thành từ 113 quốc gia và vùng lãnh thổ không nói tiếng Anh như ngôn ngữ bản địa, trong bảng xếp hạng năm 2023, chỉ số thành thạo tiếng Anh của Việt Nam đạt 505/800 điểm, xếp thứ 58 trên tổng số 113 quốc gia và vùng lãnh thổ và nằm trong nhóm có mức độ thành thạo trung bình. Cách đây 2 năm, Việt Nam chỉ đạt 486 điểm và nằm trong nhóm các quốc gia có mức độ tiếng Anh thành thạo thấp. Năm 2023, mức độ thành thạo tiếng Anh của người Việt đã tăng 9 điểm. Về thứ hạng, Việt Nam xếp thứ 7 trong khu vực châu Á, cao hơn điểm số của Ấn Độ (hạng 60), Trung Quốc (hạng 82), Nhật Bản (hạng 87). Trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam đang xếp vị trí thứ 4, sau Singapore (hạng 2), Philippines (hạng 20) và Malaysia (hạng 25).

2.2. Đặc trưng của ngôn ngữ

Ngôn ngữ được sử dụng để tương tác thông qua âm thanh, từ ngữ hoặc câu để người nói và người nghe hiểu nhau. Việc so sánh, đối chiếu các đặc trưng của ngôn ngữ, vốn là một phần của ngôn ngữ học ứng dụng (Bui mạnh Hùng, 2008) giúp người sử dụng ngôn ngữ (tiếng Anh) xác định được các đặc điểm đặc trưng trong khi nói và cấu trúc ngữ pháp

giữa 02 ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh). Trong quá trình nghiên cứu, Krzeszowski (1991:10) đã kết luận “ngôn ngữ học so sánh đối chiếu trong quá trình mô tả sự tương đồng và dị biệt về ngôn ngữ đã tạo ra kết quả liên quan đến lý thuyết ngôn ngữ trong việc tìm xem ngôn ngữ học có lợi thế nào cho người học ngôn ngữ”. Dưới đây là một số yếu tố đặc trưng ngôn ngữ trong so sánh đối chiếu giữa tiếng Việt và tiếng Anh.

Bảng 2.1: Yếu tố đặc trưng của ngôn ngữ trong so sánh đối chiếu (Cao Xuân Hạo, 1998)

Ngôn ngữ	Tiếng Việt	Tiếng Anh
Yếu tố đặc trưng	Ngôn ngữ đơn âm tiết	Ngôn ngữ đa âm tiết
	Thiên về chủ đề (theme)	Thiên về chủ ngữ (S+V+O)
	Không ngữ pháp hoá	Ngữ pháp hoá
	Thanh điệu	Nhấn âm tiết
	Nhiều đại từ nhân xưng	Giới hạn đại từ nhân xưng

Trước đây một số nhà ngôn ngữ học như Lado (1957) và Phạm Hữu Đức (2009) cũng đã chỉ ra những điểm tương đồng và dị biệt về từ vựng và ngữ pháp giữa các ngôn ngữ. Việc vận dụng lý thuyết ngôn ngữ học vào dạy kỹ năng nói và viết cho SV để giúp nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Anh một cách hiệu quả là vô cùng cần thiết.

2.3. So sánh đối chiếu về từ vựng

Theo Lado (1957) nguồn từ vựng của mỗi ngôn ngữ là vô cùng đa dạng với số lượng lớn, do vậy việc phân tích so sánh đối chiếu các ngôn ngữ với nhau nên được giới hạn ở những từ mang tính chức năng và đại từ. Một số yếu tố so sánh đối chiếu giữa tiếng Anh và tiếng Việt được tác giả minh hoạ như sau:

(1). Tương tự về hình thức và ý nghĩa. Chủ yếu đây là những từ vay mượn, ví dụ “soda”, “beer”, “TV”.

(2). Tương tự về hình thức nhưng khác nhau về ý nghĩa, ví dụ “to” là tính từ chỉ sự to lớn, “to” đứng trước động từ nguyên dạng- để làm gì đó; “may” động từ khuyết thiếu – có lẽ, “may” tính từ chỉ sự may mắn.

(3). Khác nhau về hình thức nhưng tương tự về nghĩa, ví dụ “cream” và “kem” cả tiếng Việt và tiếng Anh đều có nghĩa như nhau nhưng viết khác nhau.

(4). Khác nhau về hình thái. Ví dụ “over load” (quá tải) là sự kết hợp của trạng từ và động từ. Động từ “quá tải” trong tiếng Việt là sự kết hợp của động từ và từ tình thái.

(5). Tương tự về nghĩa gốc nhưng khác nhau về nghĩa phát sinh. Ví dụ “baby” trong tiếng Anh chỉ

“đứa trẻ”, trong tiếng Việt “baby” chỉ “tình nhân”.

2.4. So sánh đối chiếu về ngữ pháp

Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu liên quan đến các đơn vị của một ngôn ngữ như từ ngữ, mệnh đề và cấu trúc câu. Trong các văn bản, danh hoá (một hình thức biến động từ thành danh từ) thường được sử dụng để làm cho văn bản ngắn gọn và súc tích hơn, thay vì phải dùng các mệnh đề để diễn đạt. Sự hình thành danh từ trong tiếng Anh và tiếng Việt được minh hoạ dưới đây thông qua danh hoá.

Bảng 2.2. So sánh đối chiếu danh hoá trong văn bản tiếng Anh và tiếng Việt

(nguồn: Nguyễn Đình Hoà, 1997)

STT	Tiếng Anh	Tiếng Việt
1	The dispute between labour and management	Việc tranh giành giữa thợ và chủ
2	Food and clothing	Cái ăn cái mặc
3	Pencil sharpener	Cái gọt bút chì
4	Toothpick-holder	Cái đựng tăm
5	Typewriter	Máy đánh chữ
6	Sewing machine	Máy khâu
7	Movie-camera	Máy quay phim
8	Walkie-talkie	Máy bộ đàm
9	Tape recorder	Máy ghi âm từ
10	Video-cassette	Máy ghi hình từ
11	Hearing aid	Máy trợ thính
12	Flying machine (plane)	Máy bay
13	Eye glasses (spectacles)	Kính

2.5. Phân tích tần suất các đại từ, danh từ, động từ và danh hoá trong các văn bản tin tiếng Anh và tiếng Việt

Có 100 văn bản tin tiếng Anh từ báo Vietnam news và 100 văn bản tin tiếng Việt từ báo Dân trí được lựa chọn để khảo sát. Những chủ đề được lựa chọn ngẫu nhiên như kinh tế, văn hoá, y tế và giáo dục. Qua phân tích, đối sánh thông qua khảo sát về số lượng đại từ xuất hiện trong văn bản, ta dễ dàng thấy rằng, tần suất của đại từ tiếng Anh trong văn bản được sử dụng nhiều hơn đáng kể ở ngôi thứ ba và ít hơn ở ngôi thứ nhất, ngôi thứ hai. Trong khi các văn bản tiếng Việt được sử dụng đại từ ở ngôi thứ nhất và thứ hai có phần nhỉnh hơn ngôi thứ ba (ngoại trừ đại từ “nó”).

Bảng 2.3. Số lượng danh từ và danh hoá được sử dụng trong văn bản

	100 văn bản tin tiếng Anh	100 văn bản tin tiếng Việt
Tổng số từ	40.220	33.890
Số lượng danh từ	13.510	16.205
Số lượng danh hoá	3.965	265

Từ những văn bản tin đã được lựa chọn để khảo sát ở trên, số lượng danh từ và danh hoá cũng được thống kê cụ thể như sau: Trong số 40.220 từ tiếng Anh, số lượng danh từ là 13.510, chiếm tỷ lệ 33,59%, trong khi số lượng từ danh hoá là 3.965, chiếm tỷ lệ 9,85%. So sánh với văn bản tin tiếng Việt, với tổng số từ là 33.890, số lượng danh từ là 16.205, chiếm 47,81%, số lượng danh hoá là 265, chiếm 0,78%. Như vậy có sự khác biệt lớn trong việc sử dụng danh từ và danh hoá trong tiếng Anh và tiếng Việt. Danh hoá được sử dụng nhiều hơn, phổ biến hơn trong tiếng Anh nhằm rút gọn câu đề câu xúc tích hơn, dễ hiểu hơn, trong khi số lượng danh hoá trong tiếng Việt được sử dụng rất ít, không đáng kể. Bảng số liệu thống kê cho thấy tỷ lệ sử dụng danh hoá trong các văn bản tiếng Anh cao gấp hơn 12 lần so với việc sử dụng danh hoá trong các văn bản tiếng Việt.

Qua phân tích kết quả khảo sát, ta có thể thấy việc sử dụng ngôi thứ 3 trong các văn bản tiếng Anh có tần suất nhiều hơn so với các văn bản tiếng Việt (họ, nó, anh ta, chị ta...). Các đại từ được sử dụng trong văn bản tiếng Anh thông qua đại từ quy chiếu nhiều hơn so với các đại từ trong văn bản tiếng Việt. Số liệu này chứng minh rằng việc sử dụng đại từ đề hồi chỉ giúp các văn bản tiếng Anh có tính khách quan hơn.

Phân tích đối sánh từ vựng ta thấy, mặc dù có sự tương đồng về ngữ nghĩa, các đại từ hồi chỉ trong văn bản tiếng Việt đôi khi không sử dụng đại từ “she/ he/ her; he/ him” “bà/bà ấy; ông/ ông ấy” như trong văn bản tiếng Anh, mà thay vào đó là sử dụng chức danh + tên. Cụ thể, khi người nói muốn đề cập đến một danh từ riêng trong tiếng Việt đối với một người có chức vị thì việc sử dụng chức vị + tên người đó là phổ biến. Ví dụ: Biden will welcome leaders from the House and Senate (trang tin CNN 22.1.2024) “Tổng thống Biden sẽ chào mừng các nhà lãnh đạo của thượng viện”. Kết quả phân tích so sánh đối chiếu ngữ pháp cho thấy, trong các văn bản tiếng Việt, danh hoá được thiết lập bởi việc thêm tiền ngữ “sự” “cái” “việc” hoặc “máy” vào trước mỗi tính từ hoặc động từ để tạo thành danh từ. Trong khi tiếng Anh, danh hoá được kiến tạo bởi một số hình thức phổ biến sau:

(1). Thay đổi hình thức cấu tạo của từ: Ví dụ động từ “speak” thành danh từ “speech” (lời nói); “fly” thành danh từ “flight” (chuyến bay)

(2). Thay đổi bằng cách thêm hậu tố: Ví dụ “present” thành “presentation”; “prefer” thành “preference”; “invent” thành “inventor”...

Qua việc phân tích đối sánh về một số đặc điểm ngôn ngữ ở trên, những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ mẹ đẻ có thể giúp người học tăng cường thụ đắc kiến thức ngoại ngữ (ngôn ngữ thứ 2), tiếng Anh. Người học (SV) có thể sử dụng thành thạo ngôn ngữ thông qua luyện tập với kiến thức nền tảng và cơ bản nhất của ngôn ngữ học ứng dụng. Hay nói cách khác, với kiến thức tốt của ngôn ngữ thứ nhất sẽ giúp người học đắc thụ ngôn ngữ thứ hai một cách hiệu quả hơn.

3. Kết luận

Bài viết này góp phần hỗ trợ tư duy về ngôn ngữ thông qua xác định sự tương đồng và dị biệt trong tiếng Anh và tiếng Việt trong quá trình thực hành, sử dụng ngôn ngữ. Nhận thức về sự đối sánh này cho phép GV và SV tiếp cận nhiều hơn, rộng hơn để đưa ra các giải pháp nhằm loại bỏ rào cản về ngôn ngữ đối với người học thuộc các hệ thống ngôn ngữ khác nhau (cụ thể tiếng Anh là ngôn ngữ đa âm tiết và tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm tiết). Nghiên cứu này cũng giúp phần ứng dụng so sánh đối chiếu ngôn ngữ trong chương trình dạy và học kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh (ESP- English for Specific Purposes). Hy vọng trong tương lai sẽ có nhiều nghiên cứu chuyên sâu hơn giúp kết nối liền mạch giữa chương trình giảng dạy tiếng Anh cơ bản-GE (General English) và ESP cho SV Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Cao Xuân Hạo (1985), *Âm vị học và tuyến tính – Suy nghĩ về những định đề của âm vị học đương đại*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
- [2]. Cao Xuân Hạo (1998), *Tiếng Việt – mấy vấn đề về ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Đình Hoà (1997), *Vietnamese – Tiếng Việt không son phấn*. Philadelphia John Benjamins Publishing Company.
- [4]. Phạm Hữu Đức. (2009). Một số đặc điểm ngữ pháp liên nhân trong văn bản tin tiếng Anh. Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống, số 12 (170), 2009. 0869-3409
- [5]. Bùi Mạnh Hùng (2008), *Ngôn ngữ học đối chiếu*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [6]. Lado, R (1957), *Linguistics across culture*. Michigan University Press
- [7]. Krzeszowski (1991), *Contrasting languages: the scope of contrastive linguistics*, Berlin New York Mouton de Gruyter Publishing Company.
- [8]. <https://edition.cnn.com/2024/01/16/politics/white-house-meeting-border-bill/index.html>